

trạng của bệnh nhân có thể dùng 20 g. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiểm kê

Nếu âm hư sinh nội nhiệt, mụn nhọt đã vỡ mủ cấm dùng.

LINH CHI

Ganoderma

Nấm lim, Nấm trường thọ

Thẻ quả hóa gỗ được làm khô của Linh chi [*Ganoderma lucidum* (Leyss. ex Fr.) Karst.], họ Nấm lim (Ganodermataceae). Thu hái quanh năm, lúc trời khô ráo, loại bỏ tạp chất, phơi khô trong bóng râm hay sấy ở 40 °C đến 50 °C đến khô.

Mô tả

Thẻ quả dạng hình thận, hình tròn hay hình quạt, hóa gỗ, cứng, đường kính 5 cm đến 18 cm, dày 1 cm đến 2 cm. Mặt trên màu nâu vàng đến nâu đỏ, bóng loáng như đánh vecni, có những vòng đồng tâm và nếp nhăn tỏa ra, mép mỏng, nhẵn, hơi lượn sóng. Mặt dưới màu vàng nâu đến nâu nhạt với các lỗ nhỏ li ti. Phần trong xốp, màu trắng đến nâu nhạt. Cuống hình trụ, dính lệch, có khi phân nhánh, dài 6 cm đến 10 cm, đường kính 1 cm đến 3,5 cm, màu nâu đỏ đến nâu đen. Mùi thơm nhẹ, vị đắng.

Bột

Bột màu vàng nâu. Soi bột dưới kính hiển vi thấy: Sợi nấm rải rác hoặc tụ thành đám, không màu hoặc nâu nhạt, mảnh, hơi cong, phân nhánh, đường kính 2,5 µm đến 6 µm. Bào tử hình trứng, màu nâu, đứng riêng lẻ hay tụ thành từng đám, dài 8 µm đến 12 µm, rộng 5 µm đến 8 µm, đỉnh tròn nhẵn, lớp vỏ ngoài không màu, lớp vỏ trong có nhiều chỗ lõm ra.

Định tính

A. Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi hồi lưu 1 h, lọc. Nhỏ vài giọt dịch lọc lên tờ giấy lọc, sấy nhẹ cho khô, phun hỗn hợp *dung dịch sắt* (III) *clorid* 0,9 % (TT) và *dung dịch kali fericyanid* 0,6 % (TT) theo tỷ lệ (1 : 1), sẽ có màu xanh lơ.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ether dầu hỏa* (60 °C đến 90 °C) - *ether ethylic* - *acid formic* (15 : 5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột thô dược liệu, thêm 30 ml *methanol* (TT), đun hồi lưu trong 30 min, lọc. Bóc hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 2 ml *methanol* (TT).

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 2 g bột thô Linh chi (mẫu chuẩn) tiến hành chiết như mẫu thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được 10 cm đến 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không

khí, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu (có ít nhất 4 vết phát quang màu vàng ánh xanh, trong đó có vết thứ hai từ trên xuống có cường độ đậm hơn nhiều so với các vết khác).

Độ ẩm

Không quá 17,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g; 100 °C; 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 3,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 0,5 % (Phụ lục 9.7).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 3,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10).

Dùng *ethanol* 95 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Linh chi thái phiến: Đổ mềm phần thẻ quả khô rồi thái phiến dài 5 cm đến 7 cm, dày 2 mm đến 3 mm, phơi hoặc sấy ở 40 °C đến 50 °C đến khô.

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô ráo, tránh mốc mọt, sâu bọ.

Tính vị, quy kinh

Vị hơi đắng, ngọt. Tính ôn, bình, không độc. Vào kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Hành khí, hoạt huyết, tư bổ chính khí. Chủ trị: Hư lao (sức đề kháng giảm, tiêu hóa kém, mỡ máu cao, khí huyết hư), khí huyết ứ trệ (bệnh mạch vành, tăng huyết áp, thông phong thấp khớp).

Ghi chú: Linh chi được lấy từ nguồn nuôi trồng hoặc trong tự nhiên. Linh chi loại tốt nhất là loại mọc hoang trên rừng núi cao, ở những vùng khí hậu đặc biệt (khí hậu lạnh). Nấm Linh chi màu vàng và màu đỏ mọc trên cây lim còn các loại khác mọc trên kẽ đá trên núi cao. Một số loại linh chi đã được sử dụng như sau:

Thanh chi (Linh chi màu xanh)

Vị đậm, hơi chua. Tính bình, không độc.

Công dụng: Bổ gan làm sáng mắt, an thần, tăng trí nhớ, tăng cường khí lực. Trị viêm gan cấp tính và mạn tính, trị chứng đau đầu do làm việc bằng trí óc nhiều. Phải phối hợp với một số vị thuốc khác.

Hồng chi (Linh chi màu đỏ hoặc đỏ nâu).

Tên khác: Đơn chi, xích chi.

Vị đắng. Tính bình không độc.

Công dụng: Làm giảm hồi hộp đánh trống ngực do rối loạn thần kinh thực vật, tăng trí nhớ. Trị các bệnh thuộc về huyết. Chú ý phối hợp với các vị thuốc khác dùng độc vị không có kết quả.

Hoàng chi (Linh chi màu vàng). Tên khác: Kim chi.

Vị ngọt, tính bình không độc.

Công dụng: Tăng cường và làm mạnh hệ thống miễn dịch, giúp đề phòng các loại bệnh tật đối với cơ thể. Có tác dụng bổ khí dưỡng huyết, tăng cường sinh lực. Có thể dùng ngày 20 g đến 30 g, đun nước uống hàng ngày.

Bạch chi (Linh chi màu trắng). Tên khác: Ngọc chi.

Vị cay. Tính bình không độc.

Công dụng: ích bổ phế khí. Phối hợp với các vị thuốc khác trị chứng hen suyễn, ho có đờm và không có đờm

Hắc chi (Linh chi màu đen). Tên khác: Huyền chi.

Vị mặn, tính bình không độc.

Có tác dụng đối với các chứng bệnh ở cơ quan tiết niệu như: Bí tiểu tiện, sỏi thận, sỏi bàng quang. Dùng phối hợp với các vị thuốc khác.

Tử chi (Linh chi màu tím)

Vị ngọt. Tính ôn không độc.

Phối hợp với các vị thuốc khác trị chứng đau nhức xương khớp, gân cốt.

LONG ĐỜM (Rễ và Thân rễ)

Gentianae Radix et Rhizoma

Long đờm thảo

Rễ và thân rễ được làm khô của cây Long đờm (*Gentiana scabra* Bunge), cây Điều diệp long đờm (*Gentiana manshurica* Kitag.), cây Tam hoa long đờm (*Gentiana triflora* Pall.) hoặc cây Kiên long đờm (*Gentiana rigescens* Franch.), họ Long đờm (Gentianaceae). Ba loại đều gọi là Long đờm, loại cuối cùng gọi là Kiên long đờm. Thu hoạch vào cuối mùa xuân và đầu mùa thu, đào lấy thân rễ và rễ, rửa sạch và phơi hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Long đờm: Thân rễ có đường kính 0,3 cm đến 1 cm, được cắt thành từng bó không đều, xen thành từng đoạn dài 1 cm đến 3 cm, mặt ngoài của thân rễ màu xám thẫm hoặc nâu thẫm, phần trên có những vết sọc thân hoặc phần sót lại của thân cây, phần xung quanh và phía dưới mang nhiều rễ mảnh. Rễ hình trụ hơi vắn, dài 10 cm đến 20 cm, đường kính 0,2 cm đến 0,5 cm, mặt ngoài màu vàng nhạt hay nâu vàng, phần nhiều phía trên có những nếp nhăn ngang rõ rệt, phía dưới hẹp hơn, có những nếp nhăn dọc và vết sọc của rễ con. Chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt gãy hơi bằng phẳng, vỏ trắng vàng hay nâu vàng, gỗ màu nhạt hơn và có vòng chám chám. Mùi nhẹ, vị hơi đắng.

Kiên long đờm: Lớp bên ngoài dạng màng, dễ bong, không thấy nếp nhăn ngang. Gỗ màu trắng vàng, dễ tách khỏi vỏ. Ghi chú: Rễ chùm có nhiều tua nhỏ, mềm chắc, màu vàng đậm, thật đáng là loại tốt.

Vi phẫu

Long đờm: Ngoại bì gồm một lớp tế bào, thành phía ngoài tương đối dày. Mô mềm vỏ khá hẹp và có khe nứt. Nội bì rõ, gồm những tế bào kéo dài theo hướng tiếp tuyến, mỗi tế bào bị chia cắt bởi những thành tế bào kéo dài tạo thành

những tế bào nhỏ hơn hình gần vuông. Libe rộng và có khe nứt. Tầng phát sinh không rõ. Gỗ gồm 5 đến 10 mạch gỗ xếp thành nhóm. Mô mềm ruột rõ rệt, tế bào mô mềm đôi khi chứa tinh thể calci oxalat hình kim nhỏ.

Kiên long đờm: Các mô nằm phía ngoài nội bì phần lớn rời rạc. Nội bì rõ rệt. Libe chiếm 2/3 phần tính theo bán kính mặt cắt. Gỗ có các mạch gỗ được phân bố đều đặn và dày đặc tạo thành tia. Không có mô mềm ruột.

Bột

Bột Long đờm: Màu nâu vàng nhạt. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì tế bào hình thoi khi nhìn trên bề mặt. Các tế bào nội bì hình chữ nhật khá rộng khi nhìn trên bề mặt, trên thành tế bào có các nếp nhăn ngang nhỏ, mỗi tế bào bị chia bởi các vách ngăn kéo dài tạo thành những tế bào nhỏ, hầu hết những vách ngăn kéo dài dày lên tạo thành hình chuỗi hạt. Tế bào mô mềm chứa tinh thể calci oxalat hình kim nhỏ. Mạch mạng và mạch hình thang, đường kính khoảng 45 μ m.

Bột Kiên long đờm: Màu nâu đỏ đến nâu vàng. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Tế bào nội bì hình gần vuông hoặc hình chữ nhật, trên thành tế bào có các nếp nhăn ngang tương đối dày và sát nhau, có khi dày tới 3 μ m, mỗi tế bào được chia thành vài tế bào nhỏ xếp song song với nhau, vách ngăn hơi dày hoặc dạng chuỗi hạt. Không quan sát thấy các mảnh biểu bì.

Định tính

A. Lấy 0,5 g bột dược liệu thêm 5 ml ethanol 96 % (TT), đun trên cách thủy 15 min, lọc lấy dịch lọc. Trên một tờ giấy lọc, chấm dịch lọc này thành 3 vết riêng biệt rồi sấy khô giấy lọc. Vết thứ nhất dùng làm vết đối chứng; vết thứ hai được nhỏ chồng thêm 1 giọt dung dịch kali hydroxyd 5 % (TT); vết thứ ba được nhỏ chồng thêm 1 giọt dung dịch nhôm clorid 1 % trong methanol (TT). Quan sát màu các vết dưới ánh sáng tử ngoại 366 nm. Kết quả: Vết đối chứng có màu xanh lơ nhạt; vết thứ hai có màu nâu tím; vết thứ ba có màu xanh lơ nhạt, sáng hơn vết chứng.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - methanol - nước (8 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 10 ml methanol (TT), đun trên cách thủy trong khoảng 15 min, lọc, cô dịch lọc trên cách thủy còn khoảng 2 ml thu được dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,5 g bột dược liệu Long đờm (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 254 nm. Trên sắc ký đồ dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.